

Bản án số: 104/2024/DS-PT

Ngày: 22/7/2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài và ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2024 /DS-PT ngày 06/5/2024 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DSST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công có kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐ-PT ngày 27/5/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Ngọc H; sinh năm 1982; địa chỉ: TDP số B, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; uỷ quyền cho ông Mai Xuân H1, sinh năm 1949; địa chỉ: Số G, T, phường B, quận H, thành phố Hà Nội và bà Bùi Thị Mỹ H2; sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt ông H1, có mặt bà H2

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H3; sinh năm 1967; vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị H4; sinh năm 1967; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Xóm K, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; ông Nguyễn Văn H3 uỷ quyền cho ông Vũ Đức D; sinh ngày: 21/6/1982; địa chỉ: Xóm X, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt ông H3, bà H4; có mặt ông D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Công H5; sinh năm: 1974; địa chỉ: TDP P, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Công Huy H6; sinh năm: 1997; địa chỉ: TDP C, phường

B, Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Hoàng N; sinh năm: 2000; địa chỉ: TDP P, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Ngọc H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Qua sự quen biết giới thiệu của người quen, ngày 11/5/2022, bà Hoàng Ngọc H ký hợp đồng cho vay tiền với vợ chồng ông Nguyễn Văn H3 và Nguyễn Thị H4. Nội dung hợp đồng, bà H cho vợ chồng ông H3, bà H4 vay số tiền 03 tỷ đồng để mua đất ở gần con gái và con rể tại TDP P, phường B, thành phố P; lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 11/5/2022.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay trên, vợ chồng ông H3, bà H4 đã thế chấp cho bà H 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông H3, bà H4 cho bà H quản lý. Sau khi ký xong hợp đồng vay tiền và đưa 05 giấy chứng nhận bản gốc cho bà H, ông H3 có nói do số tiền vay rất lớn và thời gian đã tới nên vợ chồng ông H3 đã nhờ bà H chuyển khoản số tiền vay để trả cho người bán đất cho vợ chồng ông H3 là ông Nguyễn Công H5. Vợ chồng ông H3 đưa cho bà H số tài khoản của anh Nguyễn Công Huy H6 là con trai ông H5, tài khoản số 0865300497 mở tại Ngân hàng Q. Sau đó, cùng ngày 11/5/2022, bà H đã chuyển khoản tiền 03 tỷ (Ba tỷ) vợ chồng ông H3 đã vay của bà H vào tài khoản nêu trên.

Đến hạn trả nợ gốc bà H đến nhà vợ chồng ông H3, bà H4 ở B để đòi nợ và qua trao đổi điện thoại, vợ chồng ông H3 nói là chờ để giải quyết sẽ trả nợ, nhưng sau đó vợ chồng ông H3 không thực hiện đúng cam kết. Từ khi ký hợp đồng vay tiền ngày 11/5/2022 cho đến nay vợ chồng ông H3 bà H4 chưa trả cho bà H khoản tiền gốc và lãi, có thái độ trốn tránh, không hợp tác.

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H3, bà H4 trả khoản tiền vay gốc 03 tỷ đồng và lãi suất chậm trả trong hạn là 18%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, tính từ ngày 11/5/2022 cho đến nay.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H3 trình bày:

Năm 2021, gia đình ông có chuyển nhượng đất thổ cư cho anh Nguyễn Văn N1, địa chỉ phường B, thành phố P với giá 07 tỷ đồng, anh N1 đã trả cho gia đình ông số tiền 04 tỷ đồng, sau đó anh N1 đã mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông để đi làm thủ tục. Ông H3 xác định ông không được vay tiền của bà H và không được ký vào hợp đồng vay tiền lập ngày 11/5/2022 giữa bà H với vợ chồng ông. Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả khoản tiền vay gốc là 03 tỷ đồng và khoản tiền lãi, ông không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần bà Nguyễn Thị H4, nhưng bà H4 đều vắng mặt không có lý do, nên không ghi nhận được ý kiến của bà H4.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Vũ Đức D trình bày:

Ngày 11/5/2022, vợ chồng ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4 có được ký hợp đồng vay số tiền 03 tỷ đồng của bà Hoàng Ngọc H, các nội dung đã thỏa thuận, ký trong hợp đồng như ý kiến trình bày trên của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp trình bày như trên là đúng. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay trên, vợ chồng ông H3 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H3, bà H4 và đã giao 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà H quản lý. Tuy nhiên, từ khi ký hợp đồng vay tiền cho đến nay, bà H vẫn chưa chuyển cho vợ chồng ông H3 khoản tiền vay nói trên. Ông D đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu bà H trả lại cho vợ chồng ông H3 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông H3 đã thế chấp cho bà H theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/5/2022.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Công H5 trình bày:

Gia đình ông H5 có 01 thửa đất khoảng hơn 500 m², tại TDP P, phường B, TP ., đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H5. Khoảng tháng 4/2022, vợ chồng ông H5 có thỏa thuận bán tài sản chung để phân chia tài sản vợ chồng sau khi ly hôn, trong đó có thửa đất trên. Thông qua môi giới của anh Phạm Đức C là con rể ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị H4, gia đình ông H5 đã thống nhất chuyển nhượng thửa đất số 578, tờ bản đồ số 68, phường B, diện tích 556m² cho vợ chồng ông H3 và bà H4 với giá thỏa thuận là 3,8 tỷ đồng. Sau khi thống nhất việc chuyển nhượng thửa đất 02 bên có viết giấy đặt cọc, hiện giấy đặt cọc có chữ ký của gia đình ông H5 và vợ chồng ông H3 đã thất lạc. Con gái ông H3 tên là P, là vợ anh C có đưa trước cho ông H5 100 triệu đồng tiền mặt. Đến thời hạn giao nốt tiền còn lại theo hợp đồng do vợ chồng ông H3, bà H4 nói không có tiền mặt nên đề nghị chuyển trả số tiền còn nợ lại là 03 tỷ đồng qua tài khoản. Gia đình ông H5 nhất trí và cho số tài khoản của anh Nguyễn Công Huy H6, là con trai ông H5 mở tại Ngân hàng Q. Ngày 11/5/2022 tài khoản của anh H6 đã nhận được số tiền 03 tỷ đồng là khoản tiền mà vợ chồng ông H3 bà H4 trả tiền mua thửa đất nêu trên của gia đình ông. Sau khi tài khoản của anh H6 nhận được tiền, thì anh H6 đã nói cho ông H5 biết. Số tiền mua đất còn lại là 700 triệu đồng vợ chồng ông H3, bà H4 cũng đã thanh toán trả đầy đủ cho gia đình ông qua tài khoản của Nguyễn Hoàng N là con trai thứ hai của ông H5.

Ông H5 xác định vợ chồng ông H3, bà H4 đã trả đủ gia đình ông số tiền 3,8 tỷ đồng, là khoản tiền gia đình ông chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông H3. Ông H5 đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất chuyển nhượng trên cho vợ chồng ông H3, bà H4 để làm thủ tục và bàn giao đất và tài sản trên đất cho gia đình ông H3, bà H4 quản lý từ đó đến nay.

Anh Nguyễn Công Huy H6 và anh Nguyễn Hoàng N trình bày lời khai thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Công H5.

Tại bản án số 05/2024/DSST ngày 25/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Ngọc H về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4.

- Buộc ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4 phải trả cho bà Hoàng Ngọc H số tiền vay gốc là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và khoản tiền lãi là 559.420.000 đồng. Tổng cộng là 3.559.420.000 đồng (Ba tỷ năm trăm năm mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Buộc bà Hoàng Ngọc H trả lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây cho vợ chồng ông H3 và bà H4:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 778849, số vào sổ cấp GCN: 0895/QSDĐ/102 /QĐ-UB do UBND huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/01/1996 cho ông Nguyễn Văn H3.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 181896, số vào sổ cấp GCN: 0854N do UBND thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10/11/2008 cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 277362, số vào sổ cấp GCN: CS02267 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 15/01/2021 cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 277361, số vào sổ cấp GCN: CS02266 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 15/01/2021 cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 277385, số vào sổ cấp GCN: CS02268 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 15/01/2021 cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/4/2024, ông Vũ Đức D là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DSST ngày 25/3/2024, Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung kháng cáo, ông D cho rằng: Từ thời điểm ký hợp đồng vay tiền, bà Hoàng Ngọc H chưa chuyển khoản tiền 3.000.000.000 đồng cho ông H3. Thực chất không có việc ông H3 vay tiền của bà H, việc ông H3, bà H4 ký hợp đồng vay tiền ngày 11/5/2022 nhằm mục đích vay tiền hộ cho con rể là anh Phạm Đức C, Toà án sơ thẩm không đưa anh C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn xác định không kháng cáo, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các đương sự giữ nguyên nội dung trình bày tại cấp sơ thẩm như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DSST ngày 25/3/2024 của Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kháng cáo của bị đơn và nội dung trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[2] Ngày 11/5/2022, bà Hoàng Ngọc H ký hợp đồng vay tiền với vợ chồng ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị H4. Nội dung hợp đồng thể hiện, vợ chồng ông H3 vay của bà H số tiền 03 tỷ đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay đến ngày 11/8/2022. Theo sao kê tài khoản và lời thừa nhận của ông Nguyễn Công H5, anh Nguyễn Công Huy H6, xác định bà H đã chuyển số tiền 03 tỷ đồng đến tài khoản số 0865300497 của anh Nguyễn Công Huy H6 mở tại Ngân hàng Q.

Tại khoản 4 Điều 7 của Hợp đồng vay tiền ngày 11/5/2022 giữa bà H với vợ chồng ông H3, bà H4 đã ghi rõ: “*Bên vay xác nhận bên cho vay đã giao và bên vay đã nhận đủ số tiền vay là 3.000.000.000 đồng*”.

[3] Ông H3 và người đại diện theo uỷ quyền cho rằng, ông H3, bà H4 có được ký vào hợp đồng vay số tiền 03 tỷ đồng và đưa cho bà H 05 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H3, bà H4 theo hợp đồng vay tiền lập ngày 11/5/2022, nhưng từ khi ký hợp đồng đến nay bà H chưa giao số tiền trên cho vợ chồng ông H3, vợ chồng ông H3 không yêu cầu bà H chuyển số tiền vay vào tài khoản của anh H6, nên không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Ngọc H. Xét thấy:

[4] Lời khai của ông Nguyễn Công H5, anh Nguyễn Công Huy H6, anh Nguyễn Hoàng N đều xác nhận: Khoảng tháng 4/2022, gia đình ông H5 chuyển nhượng cho vợ chồng ông H3 thửa đất tại TDP P, phường B, thành phố P với giá 3,8 tỷ đồng. Việc thanh toán số tiền chuyển nhượng đất thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản anh H6 và anh N, là con ông H5. Trong đó, ngày

11/5/2022 tài khoản của anh H6 nhận được số tiền 03 tỷ đồng từ chủ tài khoản của chị Hoàng Ngọc H mở tại Ngân hàng Đ và Ngân hàng Á. Thời điểm và số tiền anh H6 nhận được phù hợp với ngày ký hợp đồng và số tiền mà vợ chồng ông H3, bà H4 vay của bà H.

[5] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 578, tờ bản đồ 68, diện tích 556m², tại phường B, thành phố P xác định: Thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Công H5, đã được ông H5 chuyển nhượng cho vợ chồng ông H3 tháng 4/2022. Sau khi nhận đủ tiền ông H5 đã bàn giao thửa đất và tài sản trên đất cho ông H3, vợ chồng ông H3 đã làm lại công sất và tường rào xung quanh, đổ đất nâng cao nền trên thửa đất nhận chuyển nhượng.

Như vậy, số tiền vợ chồng ông H3, bà H4 vay của bà H đã được chuyển khoản cho người thứ ba để thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông H3, bà H4. Ông H3 và đại diện theo uỷ quyền cho rằng không nhận được số tiền vay của bà H, nhưng từ đó đến nay, ông H3, bà H4 không có ý kiến, đề nghị gì về việc huỷ hợp đồng vay tiền và đòi lại 05 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao cho bà H là không có căn cứ.

[6] Đại diện bị đơn cho rằng, ông H3, bà H4 vay số tiền 03 tỷ đồng của bà H, thực chất là vay hộ anh C con rể ông H3, bà H4 chính là sự thừa nhận có việc vay và nhận số tiền 03 tỷ của bà H như trình bày của bà H là đúng. Ông H3, bà H4 ký Hợp đồng vay tiền của bà H, nên phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo thoả thuận. Giữa anh C với bà H không có bất cứ thoả thuận nào liên quan đến việc ông H3, bà H4 vay số tiền 3.000.000.000 đồng của bà H. Việc ông H3, bà H4 vay hộ cho ai là quan hệ pháp luật khác, không xem xét trong vụ án này. Toà án cấp sơ thẩm không đưa anh C tham gia tố tụng là phù hợp.

[7] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ xác định: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị H4 ký hợp đồng vay của bà Hoàng Ngọc H số tiền 03 tỷ đồng để trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Công H5. Việc chuyển giao số tiền vay thông qua hình thức bà H chuyển khoản đến số tài khoản của anh H6 là con ông H5.

Về khoản tiền lãi:

[8] Trong hợp đồng vay tiền giữa bà H với vợ chồng ông H3, bà H4 có thoả thuận về lãi suất, nhưng không thoả thuận cụ thể mức lãi suất. Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”.

Khoản tiền lãi được tính trên số nợ gốc 3.000.000.000 đồng từ ngày vay 11/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/2024 theo mức lãi suất 10%/năm như Toà án cấp sơ thẩm quyết định là đúng.

Về 05 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn thế chấp cho nguyên đơn để vay tiền:

[9] Việc thế chấp quyền sử dụng đất đã được lập thành văn bản, nhưng không được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm. Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn là phù hợp.

[10] Từ những phân tích và căn cứ nêu trên thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 03 tỷ đồng và khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm và khoản tiền lãi chậm thi hành án là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí:

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không được chấp nhận, nên đại diện theo uỷ quyền bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Vũ Đức D; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Đức D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000635 ngày 11/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

i nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Sông Công;
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Quý Sửu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Quế Nguyễn Minh Lý

Hoàng Quý Sửu